TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA B** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DSST
Ngày 23/01/2025
V/v Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA B, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thiên Hà.

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Hằng.

Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh: Ông Trần Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2025, tại trụ sở Tòa án huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 08/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 08/01/2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: 1. Ông Ngô Đình H, sinh năm 1986 (vắng mặt);

2. Bà Cao Thị X, sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)); Ông H ủy quyền toàn bộ cho bà X.

Cùng trú tại: 323/17 khu phố Bình Phước A, phường Bình Ch, thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1984 (Có mặt).

Trú tại: Thôn Hương Tr, xã Nhân Th, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn là ông Ngô Đình H và bà Cao Thị X trình bày: Vợ chồng ông H, bà X và bà Vũ Thị L có quan hệ quen biết xã hội với

nhau. Ngày 13/10/2021 bà Vũ Thị L vay vợ chồng ông H, bà X số tiền là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) để làm ăn. Vợ chồng ông H, bà X đồng ý cho bà L vay số tiền đó. Hai bên có lập giấy vay tiền thể hiện nội dung bên vay tiền là bà Vũ Thị L, bên cho vay tiền ông Ngô Đình H và bà Cao Thị X, số tiền vay 215.000.000 đồng, lãi suất vay 5%/tháng và thời hạn trả tiền là đến ngày 13/12/2021. Giấy vay có chữ ký xác nhận của bên vay là bà Vũ Thị L, bên cho vay là ông Ngô Đình H và bà Cao Thị X sau khi lập giấy vay tiền xong ông H, bà X đã giao số tiền 215.000.000 đồng cho bà Là, bà Là đã nhận đủ số tiền vay.

Tuy nhiên đến hết ngày 13/12/2021 thì bà L không trả lại số tiền cho vợ chồng ông H, vợ chồng ông H đã nhiều lần yêu cầu bà L trả lại số tiền vay nhưng bà L không trả. Đến giữa năm 2022 vợ chồng ông H đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương để yêu cầu bà L trả lại tiền vay. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã trả lại cho vợ ông H số tiền là 110.000.000 đồng và hứa sẽ tiếp tục trả nốt số tiền nợ còn lại là 105.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng. Vợ chồng ông H đồng ý và đã rút đơn khởi kiện theo thỏa thuận. Tuy nhiên, sau đó bà Là không trả số tiền 105.000.000đ theo thỏa thuận, vợ chồng ông H đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L không trả. Do đó, vợ chồng ông H đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương. Sau khi thụ lý, TAND thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương đã chuyển vụ án cho TAND huyện Gia B để thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền với đề nghị Tòa án buộc bà L phải trả số tiền 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng), không yêu cầu bà Là phải trả lãi suất của khoản vay.

Bị đơn là bà Vũ Thị L trình bày: Bà Là và vợ chồng anh H, chị X có quen biết thông qua làm ăn kinh doanh. Ngày 13/10/2021 bà Là có vay của anh H, chị X số tiền là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng để làm ăn kinh doanh, bà Là có thỏa thuận với anh H, chị X là sẽ trả hết nợ sau 2 tháng. Việc các bên cho nhau vay tiền có được lập giấy vay như bên nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, do làm ăn không thuận lợi nên khi đến thời hạn trả nợ bà L vẫn chưa trả cho anh H, chị X số tiền vay. Năm 2022 vợ chồng anh H, chị X có khởi kiện đòi tiền bà L tại Tòa án nhân dân thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương. Tại Tòa án bà L và vợ chồng anh H, chị X đã thỏa thuận được về phương án trả nợ, theo đó bà L trả cho ông H, bà X số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) số tiền còn lại bà L cam kết sẽ trả dần sau 06 tháng. Nhưng sau khi hết 06 tháng thì bà L cũng không trả được khoản nợ kể trên cho vợ chồng ông H theo thỏa thuận. Nay ông H, bà X khởi

kiện bà ra Tòa án thì bà L xác nhận khoản nợ là đúng và đồng ý trả nợ lại cho ông H, bà X. Nhưng do hiện tại bà L đang gặp khó khăn về kinh tế nên không trả được nợ ngay cho vợ chồng ông H, bà X được, bà Là xin được trả dần số nợ trên cho ông H, bà X.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463,465, 466 và 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Đình H, bà Cao Thị X. Buộc bà Vũ Thị L phải trả vợ chồng ông Ngô Đình H, bà Cao Thị X số tiền 105.000.000 đồng.

Án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Ngô Đình H và bà Cao Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị L phải trả số tiền theo hợp đồng vay là 105.000.000 đồng. Như vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại điều 463 BLDS. Bị đơn là bà Vũ Thị L hiện có HKTT và cư trú tại thôn Hương Tr, xã Nhân Th, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia B theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện Gia B thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mà hai bên đã thỏa thuận là 105.000.000đ. Căn cứ giấy vay tiền ngày

13/10/2021 có chữ ký, chữ viết của nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ lời trình bày về quá trình giao dịch của hai bên và lời trình bày của bị đơn tại buổi hòa giải ngày 11/11/2024 và tại phiên tòa thì thấy vợ chồng ông H, bà X đối với bà Vũ Thị L có quen biết với nhau. Quá trình vay nợ diễn ra từ ngày 13/10/2021. Năm 2022 vợ chồng ông Ngô Đình H, bà Cao Thị X có khởi kiện đòi tiền bà Vũ Thị L tại Tòa án nhân dân thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương và tại thời điểm này bà L đã thanh toán một nửa số tiền đã vay ngày 13/10/2021 số tiền là 110.000.000đ, đối với số tiền còn nợ là 105.000.000đ bà L Thỏa thuận với vợ chồng ông H, bà X là sẽ trả dần trong 06 tháng, như vậy Thỏa thuận của hai bên tại Tòa án nhân dân thành phố Thuận A đã chốt lại số tiền mà bà L còn nợ vợ chồng ông H, bà X là 105.000.000đ. Sau đó, bà L đã chuyển về sinh sống tại thôn Hương Tr, xã Nhân Th, huyện Gia B, tỉnh Bắc Ninh. Tại buổi hòa giải ngày 11/11/2024 bà L cũng thừa nhận điều này, hai bên đã chốt số tiền bà L có nghĩa vụ thanh toán trả vợ chồng ông H, bà X là 105.000.000đ. Bà L thừa nhận có nghĩa vụ trả nợ số tiền này cho vợ chồng ông H, bà X. Mặt khác bà L thừa nhận vay tiền với mục đích cá nhân, không thông báo cho chồng biết và sử dụng tiền vào mục đích cá nhân. Như vậy việc hai bên có giao dịch và chốt nợ, hẹn ngày trả là có thật. Sau khi chốt số tiền phải trả tại thời điểm năm 2022, bà L có hẹn 06 tháng sẽ trả vợ chồng ông H, bà X số tiền đã chốt với nhau. Tuy nhiên, hết thời hạn 06 tháng, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi cho nguyên đơn là vợ chồng ông H, bà X. Căn cứ quy định tại Điều 166 BLDS thì vợ chồng ông H, bà X có quyền đòi số tiền đã chốt với bà L. Như vậy yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà X là có căn cứ và được HĐXX chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà L đưa ra nhiều phương án trả nợ. Tuy nhiên những phương án này không được vợ chồng ông H, bà X chấp nhận. Vợ chồng ông H, bà X yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền 105.000.000đ và trả một lần đủ số tiền đó. Xét thấy, bà L đã chốt rõ ràng số tiền phải trả vợ chồng ông H, bà X và hẹn thời hạn trả là 06 tháng sẽ trả đủ tiền. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ đã lâu, bà L không trả vợ chồng ông H, bà X. Do vậy, yêu cầu của vợ chồng ông H, bà X về việc buộc bà L phải trả bằng tiền mặt đủ số tiền 105.000.000đ là phù hợp được HĐXX chấp nhận.

[3]. Án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 398, Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Vũ Thị L phải trả vợ chồng ông H, bà X số tiền là 105.000.000đ (*Một trăm linh năm triệu đồng chẵn)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu 5.250.000đ án phí DSST.

Trả lại vợ chồng ông H, bà X số tiền 2.265.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004849 ngày 13/06/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận A, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Gia B;
- Chi cục THA huyện Gia B;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thiên Hà